

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-10-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Phương

2. Ông Thông Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Thế là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ry - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 394/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông Lê Đình Q, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Tuyết trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đình Q tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và sống chung với nhau ở Thôn 1, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận từ năm 1995 đến đầu năm 2020 nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông Lê Đình Q chung sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên tình cảm đã phai nhạt từ lâu, khoảng 03 tháng nay bà và ông Lê Đình Q không còn sống chung với nhau. Bà nhận thấy bản thân không còn tình

cảm với ông Lê Đình Q nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Đình Q.

Về con chung: Bà và ông Lê Đình Q có 03 con chung tên Lê Thị Mỹ L – sinh năm 1996, Lê Thị Mỹ Y – sinh ngày 26/8/2002 và Lê Thị Yến N – sinh ngày 26/01/2007. Hai con chung tên Lê Thị Mỹ L và Lê Thị Mỹ Y đã trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung Lê Thị Yến N chưa thành niên bà yêu cầu Tòa án cho bà được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu ông Lê Đình Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Lê Đình Q đã tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Lê Đình Q không có nợ chung.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Đình Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T về quan hệ hôn nhân. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm nay tình cảm phai nhạt nên ông và bà Nguyễn Thị Thanh T đã sống ly thân khoảng 03 tháng, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Do đó, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Về con chung: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T về con chung, sau khi ly hôn ông đồng ý để bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Yến N; việc cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T không có nợ chung.

- Tại Đơn xin xác nhận đề ngày 03/7/2020 của bà Nguyễn Thị Thanh T, UBND xã H, huyện N đã xác nhận: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q sống chung như vợ chồng từ năm 1995 đến tháng 3/2020 nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tiến hành tổ tụng đúng pháp luật; đương sự chấp hành pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc nuôi con chung; về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Lê Đình Q. Nơi cư trú: Thôn 1, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của hai bên đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để xác định bà Nguyễn Thị Thanh T, và ông Lê Đình Q có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Ngoài ra, điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q không được coi là vợ chồng. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q đều xác định không còn tình cảm, không còn chung sống và đều có yêu cầu được ly hôn nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q thỏa thuận để bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 26/01/2007. Xét thấy, thỏa thuận của hai bên đương sự phù hợp với nguyện vọng của con chung và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q.

2. Về việc nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Lê Đình Q về việc nuôi con chung. Bà Nguyễn Thị Thanh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Thị Yến N – sinh ngày 26/01/2007.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008722 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN NHÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phương Thông Minh Tấn

Nguyễn Thị Phương

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương